

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng máy xúc lật Volvo phục vụ sản xuất năm 2023

Gói thầu số: 09

Kế hoạch: Mua vật tư, phụ tùng máy xúc lật Volvo phục vụ sản xuất năm 2023

Phát hành ngày: 22/02/2023

Ban hành kèm theo Quyết định: 333/QĐ-CT397 ngày 22/02/2023

**BÊN MỜI THẦU
GIÁM ĐỐC**



Kiều Văn Sinh

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

| | |
|-----------------|---|
| Bên mời thầu | Công ty Cổ phần 397 |
| Kế hoạch | Mua vật tư, phụ tùng máy xúc lật Volvo phục vụ sản xuất năm 2023 |
| Luật đấu thầu | Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 |
| Nghị định 63/CP | Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu |

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần 397

2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) Gói thầu số 09: Mua vật tư, phụ tùng máy xúc lật Volvo phục vụ sản xuất năm 2023. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

7. Nhà thầu có tư cách hợp lệ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí 1,2,3,4,5,6 Mục 2 này được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh; trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 02 Chương III;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao);

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 10 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Công ty Cổ phần 397, khu Yên Lãng 1, phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, TEL: 0203.2211.329- FAX: 0203.871.299 không muộn hơn 09 giờ 00 ngày 28/02/2023. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên website của Công ty Cổ phần 397 tại địa chỉ <https://congtycophan397.com.vn>

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu

không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau: giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 2% giá trị hợp đồng, bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh ngân hàng.

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp vật tư, hàng hóa

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng dưới đây trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

| STT | Danh mục vật tư, hàng hóa | Mã danh điểm | ĐVT | Số lượng | Chất lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|--------------|-----|----------|------------|---------|
| 1 | Lọc dầu động cơ | 17533661 | Cái | 36 | Mới 100% | |
| 2 | Lọc dầu động cơ | 21707132 | Cái | 18 | Mới 100% | |
| 3 | Lọc tinh nhiên liệu | 15126069 | Cái | 18 | Mới 100% | |
| 4 | Lọc thô nhiên liệu | 11110683 | Cái | 18 | Mới 100% | |
| 5 | Lọc gió ngoài | 11033998 | Cái | 8 | Mới 100% | |
| 6 | Lọc gió trong | 11033999 | Cái | 4 | Mới 100% | |
| 7 | Lọc thông hơi | 11172907 | Cái | 24 | Mới 100% | |
| 8 | Lọc dầu số | 16290793 | Cái | 4 | Mới 100% | |
| 9 | Lọc gió thô điều hòa | 15052786 | Cái | 10 | Mới 100% | |
| 10 | Lọc gió điều hòa | 11703980 | Cái | 6 | Mới 100% | |
| 11 | Lọc hồi thủy lực | 17410280 | Cái | 6 | Mới 100% | |
| 12 | Gioăng lọc hồi thủy lực | 17474496 | Cái | 6 | Mới 100% | |
| 13 | Gioăng nắp thùng thủy lực | 13960248 | Cái | 6 | Mới 100% | |
| 14 | Lọc thông hơi thùng thủy lực | 11707077 | Cái | 10 | Mới 100% | |
| 15 | Nước làm mát cô đặc Volvo VCS | 15161234 | Lít | 72 | Mới 100% | |
| 16 | Dầu mát phanh WB102 | 15058290 | Lít | 1.100 | Mới 100% | |
| 17 | Dầu động cơ SAE 15W-40 | 15067404 | Lít | 1.040 | Mới 100% | |
| 18 | Dầu thủy lực ISO VG 68 | 15058191 | Lít | 416 | Mới 100% | |
| 19 | Dầu hộp số tự động AT102 | 15143928 | Lít | 120 | Mới 100% | |

| | | | | | | |
|----|-----------------------|----------|-----|---|----------|--|
| 20 | Dây curoa bom nước | 17418267 | Cái | 3 | Mới 100% | |
| 21 | Dây curoa máy phát | 17418271 | Cái | 3 | Mới 100% | |
| 22 | Tích áp phanh chân | 17258321 | Quả | 4 | Mới 100% | |
| 23 | Tích áp phanh chân | 17258319 | Quả | 6 | Mới 100% | |
| 24 | Tích áp phanh tự động | 17258322 | Quả | 2 | Mới 100% | |

*** Yêu cầu khác**

| TT | Nội dung | Yêu cầu |
|----|----------------------|--|
| 1 | Thời gian giao hàng | Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực. |
| 2 | Địa điểm giao hàng | Tại Kho vật tư, kho nhiên liệu, dầu mỡ phụ - Công ty Cổ phần 397. |
| 3 | Thời gian thanh toán | Bằng chuyển khoản 100% giá trị tiền hàng trong vòng 60 ngày kể từ khi giao nhận đủ khối lượng vật tư, hàng hóa, với điều kiện bên Nhà thầu đã cung cấp đầy đủ giấy tờ liên quan bao gồm: Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận hàng hóa, CO/CQ đối với hàng hóa nhập khẩu và các giấy tờ cần thiết khác. |
| 4 | Năm sản xuất | Sản xuất năm 2022 và/hoặc 2023(ghi rõ năm sản xuất đối với từng mục vật tư, hàng hóa) |
| 5 | Chất lượng hàng hóa | Mới 100% đúng quy cách chủng loại. |
| 6 | Bảo hành | Hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Trong trường hợp được bảo hành, thời gian bảo hành là 6 tháng hoặc 2000 giờ vận hành kể từ thời điểm bàn giao hàng, tùy theo điều kiện nào đến trước (được nêu chi tiết trong phụ lục hợp đồng đính kèm). Không áp dụng do lỗi thay thế, bảo dưỡng, vận hành không đúng kỹ thuật của người sử dụng Bên mời thầu. |
| 7 | Xuất xứ hàng hóa | Nêu rõ hãng sản xuất hoặc nước sản xuất, Có giấy ủy quyền phân phối sản phẩm chính hãng hoặc giấy chứng nhận đại lý cấp 1 của hãng sản xuất hoặc tài liệu khác chứng minh nhà cung cấp là đơn vị đại diện cho Hãng sản xuất |

| | | |
|--|--|---|
| | | cung cấp sản phẩm tại Việt Nam (nếu có) |
|--|--|---|

Các nhà thầu phải đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu trên thì mới được đánh giá là đạt.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

| STT | Nội dung | Giá chào |
|---|-------------------|------------------|
| 1 | Hàng hoá | (M) |
| 2 | Dịch vụ liên quan | (I) |
| Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i> | | (M) + (I) |

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên kế hoạch: _____ [Ghi tên kế hoạch]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

| STT | Danh mục vật tư, hàng hóa | Mã danh điểm | Đvt | Số lượng | Xuất xứ | Đơn giá | Thành tiền(Cột 5x7) | Năm sản xuất | Bảo hành |
|-----|---------------------------|--------------|-----|----------|---------|---------|---------------------|--------------|----------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 | Lọc dầu động cơ | 17533661 | Cái | 36 | | | | | |
| 2 | Lọc dầu động cơ | 21707132 | Cái | 18 | | | | | |
| 3 | Lọc tinh nhiên liệu | 15126069 | Cái | 18 | | | | | |
| 4 | Lọc thô nhiên liệu | 11110683 | Cái | 18 | | | | | |
| 5 | Lọc gió ngoài | 11033998 | Cái | 8 | | | | | |
| 6 | Lọc gió trong | 11033999 | Cái | 4 | | | | | |
| 7 | Lọc thông hơi | 11172907 | Cái | 24 | | | | | |
| 8 | Lọc dầu số | 16290793 | Cái | 4 | | | | | |
| 9 | Lọc gió thô điều hòa | 15052786 | Cái | 10 | | | | | |
| 10 | Lọc gió điều hòa | 11703980 | Cái | 6 | | | | | |
| 11 | Lọc hồi thủy lực | 17410280 | Cái | 6 | | | | | |
| 12 | Gioăng lọc hồi thủy lực | 17474496 | Cái | 6 | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|----|---|----------|-----|-------|--|--|--|--|--|
| 13 | Gioăng nắp thùng thủy lực | 13960248 | Cái | 6 | | | | | |
| 14 | Lọc thông hơi thùng thủy lực | 11707077 | Cái | 10 | | | | | |
| 15 | Nước làm mát cô đặc Volvo VCS | 15161234 | Lít | 72 | | | | | |
| 16 | Dầu mát phanh WB102 | 15058290 | Lít | 1.100 | | | | | |
| 17 | Dầu động cơ SAE 15W-40 | 15067404 | Lít | 1.040 | | | | | |
| 18 | Dầu thủy lực ISO VG 68 | 15058191 | Lít | 416 | | | | | |
| 19 | Dầu hộp số tự động AT102 | 15143928 | Lít | 120 | | | | | |
| 20 | Dây curoa bơm nước | 17418267 | Cái | 3 | | | | | |
| 21 | Dây curoa máy phát | 17418271 | Cái | 3 | | | | | |
| 22 | Tích áp phanh chân | 17258321 | Quả | 4 | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|-----------------------|----------|-----|---|--|--|--|--|--|
| 23 | Tích áp phanh chân | 17258319 | Quả | 6 | | | | | |
| 24 | Tích áp phanh tự động | 17258322 | Quả | 2 | | | | | |
| Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào) | | | | | | | | | |

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các cột (6), (7), (8), (9), (10) do nhà thầu chào.
- Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, Bên nhà thầu phải có trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc kế hoạch: _____ [Ghi tên kế hoạch]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Bên mời thầu [Ghi tên bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được

² Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Giá trị hợp đồng, thời gian, địa điểm giao hàng và chất lượng hàng hóa

Bên mời thầu giao cho Bên nhà thầu thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Bảng số 1 yêu cầu cung cấp hàng hoá tại chương II – phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Thời gian giao hàng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Địa điểm giao hàng: Tại kho vật tư, kho nhiên liệu, dầu mỡ phụ - Công ty Cổ phần 397. Địa chỉ: khu Nam Tràng Bạch, phường Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Chất lượng hàng hóa: Hàng mới 100% đúng quy cách chủng loại. Sản xuất năm 2022 và/ hoặc 2023.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có).

có);

6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Giá hợp đồng, phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng : _____ đồng

Bằng chữ :

2. Phương thức thanh toán :

a) Hình thức thanh toán

b) Thời hạn thanh toán

c) Số lần thanh toán

Điều 4. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng : 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 6. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu]

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên mời thầu và Bên nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời gian nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong vòng _____ (_____) ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng được ký kết.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Đặt cọc (bằng tiền mặt) hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng : _____ đồng (Bằng chữ : _____) tương đương 2% giá trị hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng : _____ ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mời thầu khi Bên nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên mời thầu ; Bên nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên mời thầu hoặc Bên nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai

bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên mời thầu gia hạn;

b) Bên nhà thầu bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên mời thầu chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên mời thầu có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên nhà thầu đã không thực hiện. Bên nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên mời thầu những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên mời thầu chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên mời thầu không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên mời thầu được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Quyền và nghĩa vụ của bên mời thầu:

a). *Quyền:*

- Yêu cầu Bên nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ đúng số lượng, chất lượng, địa điểm, thời gian đã cam kết trong hợp đồng.

- Khiếu nại về chất lượng hàng hóa, dịch vụ nếu phát hiện chất lượng, nguồn gốc không đảm bảo như tiêu chuẩn thỏa thuận trong Hợp đồng;

- Yêu cầu Bên nhà thầu cung cấp đầy đủ các chứng từ, hồ sơ liên quan đến hàng hóa;

b). *Nghĩa vụ:*

- Thanh toán đúng thời hạn đã ghi trong Hợp đồng. Trường hợp, thanh toán chậm hơn thời gian quy định nêu trên, bên mời thầu sẽ phải thanh toán cho Bên nhà thầu lãi suất cho số tiền trả chậm theo mức xác định bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam quy định tại thời điểm thanh toán. Tuy nhiên thời gian thanh toán chậm không được quá 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày phát sinh số lãi suất thanh toán chậm;

- Tiếp nhận, kiểm nhập (kiểm tra chất lượng) hàng hóa nhanh chóng, kịp thời.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhà thầu:

a). *Quyền:*

Được quyền yêu cầu Bên mời thầu thanh toán tiền hàng theo đúng thời hạn và

phương thức thanh toán như quy định tại Điều 3 Hợp đồng này;

b). *Nghĩa vụ:*

- Giao hàng đúng số lượng, chất lượng, địa điểm, thời gian thỏa thuận theo hợp đồng. Trường hợp giao hàng chậm so với thời gian quy định nêu trên, Bên nhà thầu sẽ phải chịu phạt chậm giao hàng. Giá trị phạt giao chậm được xác định như sau:

- $G_{ptđ} = (T_{th} - T_{hs}) \times GC \times R \times 1,5$

G_{ptđ}: Giá trị phạt giao hàng chậm

T_{th}: Thời gian bên bán hoàn thành việc giao hàng (ngày);

T_{hs}: Thời gian nhận hàng theo thông báo của Bên mời thầu (ngày);

GC: Giá trị hàng hóa giao chậm;

R: Lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại thời điểm giao hàng chậm.

- Tuy nhiên thời gian giao hàng chậm không được quá 05 (năm) ngày và giá trị phạt giao hàng chậm không vượt quá 8% (tám phần trăm) giá trị hàng hóa giao chậm;

- Giải quyết các khiếu nại về chất lượng hàng hóa, dịch vụ cho Bên mời thầu nếu Bên mời thầu phát hiện chất lượng, nguồn gốc không đảm bảo như tiêu chuẩn thỏa thuận trong Hợp đồng;

- Cung cấp đầy đủ các chứng từ, hồ sơ liên quan đến hàng hóa cho Bên mời thầu.

Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 11. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên nhà thầu phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong hồ sơ yêu cầu, cụ thể là: Đối với các hàng hóa có nguồn gốc nước ngoài, nhà thầu phải cung cấp 01 bản chính Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá hoặc cung cấp bản sao y có công chứng, bản sao vận đơn thể hiện tên hàng theo hợp đồng. Các tài liệu kỹ thuật và thương mại phù hợp theo qui định của hợp đồng đã được Bên mời thầu chấp thuận.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Hàng hóa được giao tại kho Bên mời thầu, địa chỉ : Kho vật tư, kho nhiên liệu, dầu mỡ phụ - Công ty CP 397, khu Mỏ Nam Tràng Bạch, phường Hoàng Quê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Bên nhà thầu chịu trách nhiệm bốc hàng từ phương tiện vận chuyển của mình xuống kho của Bên mời thầu, với địa điểm do Bên mời thầu chỉ định. Bản chính của hóa đơn hợp lệ

được giao cho Bên mời thầu khi giao hàng.

3. Bên mời thầu hoặc đại diện của Bên mời thầu có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: Thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm theo yêu cầu Bên mời thầu.

Điều 12. Quyền sở hữu trí tuệ và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên nhà thầu đã cung cấp cho Bên mời thầu.

2. Hàng hóa do Bên nhà thầu cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: Những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho của Bên nhà thầu và giao hàng do Bên nhà thầu chịu.

Điều 13. Bảo hành

1. Bên nhà thầu bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: Hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Trong trường hợp được bảo hành thời gian bảo hành là 06 tháng hoặc 2000 giờ kể từ thời điểm bàn giao hàng, tùy theo điều kiện nào đến trước.

Điều 14. Bất khả kháng

Bên nhà thầu không có trách nhiệm khi không thể cung cấp hàng vì những lý do như dịch bệnh, bạo động, nội chiến, chiến tranh có tuyên chiến hay không, tai nạn, rút ngắn giờ lao động, đình công, đóng cửa nhà máy, cơ sở sản xuất bị sự cố, bên thứ ba không cung cấp nguyên liệu hoặc hàng hóa, bão lụt, hỏa hoạn hoặc bất cứ hoàn cảnh nào khác, dù nằm trong các trường hợp trên hay không, xong ngoài khả năng kiểm soát của Bên nhà thầu. Tuy nhiên, Bên nhà thầu sẽ không được miễn trách nhiệm thực hiện công tác bảo hành hoặc cung cấp hàng, cũng như Bên mời thầu không thể không chấp nhận cho Bên nhà thầu thực hiện các công việc này khi những lý do ngăn cản việc thực hiện việc cung cấp hàng phải đình lại.

Điều 15. Điều khoản chung.

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện, điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này. Không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng phải được hai bên thống nhất và lập thành phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một phần không tách rời của hợp đồng.

2. Trường hợp quá trình thực hiện nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên

phải thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng nhau tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở đảm bảo lợi ích chung.

3. Trường hợp các bên không tự thương lượng, hòa giải được thì sự việc tranh chấp sẽ được trình lên Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)- Trụ sở tại Hà Nội (Tòa nhà VCCI số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội) để giải quyết. Phán quyết của VIAC là quyết định cuối cùng buộc các bên phải tuân theo. Bên có lỗi chịu mọi chi phí.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng.

1. Hợp đồng có hiệu lực ngay sau khi Bên mời thầu nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng.

2. Sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày các bên hoàn thành hết nghĩa vụ hợp đồng với nhau thì hợp đồng này tự động thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để làm cơ sở thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu số 03a(1), Mẫu số 03a(2)) hoặc Mẫu số 03b trong bản yêu cầu báo giá này].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên bên mời thầu]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.